CHỨNG KHOÁN ALPHA

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 11 tháng 11, 2026



Xem thêm

Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading

Đột biến khối lượng

- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	NTL	10/11/2026	13.25	2.491.100	400.950	6.21
2	PHP	10/11/2026	44.4	1.511.300	430.397	3.51
3	KDH	10/11/2026	15.9	22.892.300	6.527.987	3.51
4	HVN	10/11/2026	22.85	2.336.700	700.253	3.34
5	HDG	10/11/2026	16.7	3.100.900	1.038.310	2.99
6	MBS	10/11/2026	16.6	9.730.500	3.314.707	2.94
7	HHP	10/11/2026	15	4.555.800	1.704.720	2.67
8	HHV	10/11/2026	9.88	8.266.500	3.092.350	2.67
9	VCK	10/11/2026	28.6	3.744.800	1.809.183	02.07
10	EVF	10/11/2026	12	2.526.600	1.235.233	02.05
11	REE	10/11/2026	47.7	806.100	394.647	02.04
12	FTS	10/11/2026	20	1.754.700	881.720	1.99
13	DCM	10/11/2026	30.1	4.217.200	2.132.037	1.98
14	MZG	10/11/2026	10.09	2.706.900	1.420.040	1.91
15	VCG	10/11/2026	15.4	5.351.800	2.868.143	1.87
16	CDC	10/11/2026	22.5	515.400	286.473	1.8
17	NLG	10/11/2026	23.5	2.728.900	1.520.953	1.79
18	HHS	10/11/2026	10	2.395.900	1.339.827	1.79
19	FCN	10/11/2026	11.35	1.127.400	634.830	1.78
20	DIG	10/11/2026	10.65	9.647.600	5.535.884	1.74
21	SAB	10/11/2026	42.9	638.000	368.027	1.73
22	AAS	10/11/2026	10.7	2.832.100	1.634.723	1.73
23	VIX	10/11/2026	13.4	61.567.200	35.794.704	1.72
24	DXG	10/11/2026	11.4	18.892.900	11.199.793	1.69
25	CTS	10/11/2026	23.5	2.870.400	1.711.957	1.68
26	SSI	10/11/2026	20.65	34.145.200	20.398.310	1.67
27	VAB	10/11/2026	9	761.900	471.570	1.62
28	SZC	10/11/2026	20.35	1.041.100	663.677	1.57
29	BVS	10/11/2026	27.6	1.016.300	652.583	1.56



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CTD	10/11/2026	71.4	732.360	71.76	70.26	1.62
2	CTS	10/11/2026	23.05	2.411.450	63.21	22.58	02.07
3	DRI	10/11/2026	13.3	853.010	34.5	12.89	3.19
4	FRT	10/11/2026	146.4	508.950	53.09	137.69	6.33
5	GMD	10/11/2026	53.5	1.885.360	52.37	50.35	6.26
6	HCM	10/11/2026	23.45	4.182.600	45.76	23.16	1.25
7	HVN	10/11/2026	22.85	1.031.660	63.86	22.78	0.33
8	MST	10/11/2026	8.7	1.084.180	37.3	8.65	0.63
9	NKG	10/11/2026	12.1	7.055.010	62.21	11.98	01.02
10	ORS	10/11/2026	14.35	5.273.890	51.78	13.59	5.59
11	PVP	10/11/2026	17.7	1.344.780	33.01	16.95	4.4
12	STB	10/11/2026	69.7	3.040.830	55.67	68.88	1.19
13	TCB	10/11/2026	22	15.970.590	51.45	21.42	2.7
14	TCH	10/11/2026	13.6	11.598.830	74.58	13.08	3.94
15	TVN	10/11/2026	9.3	1.068.730	43.37	9.23	0.78
16	VEA	10/11/2026	37.5	677.390	44.32	35.29	6.26
17	VJC	10/11/2026	136.4	990.090	69.31	130.59	4.45
18	VPB	10/11/2026	22.55	15.194.560	47.14	21.44	5.17

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	VCP	35.6	33.8	279.250

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.7	10.6	1.048.000
2	CTD	71.4	70.5	732.360
3	TCH	13.6	13.5	11598830
4	VPL	93.8	92.9	916.450

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ACC	3.45	3.41	190.380
2	API	3.9	3.8	172.810
3	CRE	3.93	3.93	413.710
4	DDB	07.06	7.6	27.720
5	DVN	16.6	15.39	24.000
6	HVT	20.1	19.7	35.640
7	KOS	3.4	3.25	18.778.330
8	LSS	7.65	7.36	24.770
9	NCT	80	79.9	19.560
10	PDN	80	77.2	10.150
11	PPT	04.02	4.2	667.990
12	RYG	7.57	7.45	16.940
13	TDG	1.96	1.89	16.790
14	TIG	3.6	3.6	1.573.280
15	TTA	10	9.8	91.760

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CAP	38.4	38.6	17.060
2	DCM	30.1	30.5	1.964.820
3	DDB	7.6	8	27.720
4	DVN	16.6	16.8	24.000
5	HVT	20.1	20.3	35.640
6	LSS	7.65	7.68	24.770
7	NCT	80	80.5	19.560
8	OIL	12.5	12.6	1.783.010
9	PDN	80	80.3	10.150
10	PLX	32.8	33	2423750
11	PVD	16.7	17.1	3.908.960
12	PVG	5.5	5.6	32.070
13	PVS	28.4	28.74	2512230
14	RYG	7.57	7.66	16940
15	TTA	10	10.3	91.760

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	HVN	22.85	22.78	1.031.660
2	STB	69.7	68.88	3.040.830
3	TVN	9.3	9.23	1068730

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	EVF	12	11.68	1.251.660
2	FTS	20	19.59	1.144.970
3	HPG	21.25	20.97	25164840
4	KHG	4.62	4.6	5.188.420
5	LCG	6.75	6.63	669.600
6	MBS	16.6	15.93	4.474.650
7	MWG	74	73.16	3.083.930
8	NLG	23.5	22.83	1.644.580
9	SSI	20.65	20.13	24940590
10	TCB	22	21.83	15970590
11	VCI	20	19.73	10721870
12	VCK	28.6	28.25	2200840

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.7	10.17	1.048.000
2	ACB	20.7	20.68	9.201.410
3	BGE	3.1	2.87	799560
4	BVB	10.4	10.39	878.900
5	DXS	05.04	4.95	3.000.200
7	FRT	146.4	145.44	508950
8	HDB	22.5	22.41	16070630
9	HPG	21.25	21.03	25164840
10	KHG	4.62	4.52	5188420
11	LCG	6.75	6.56	669600
12	LDG	2.4	2.38	719090
13	MSN	72.6	72.21	4790880
14	NVL	10.85	10.56	18693860
15	VCG	15.4	15.24	4141350
16	VFS	9.7	9.66	586610
17	VHM	62	61.99	6777220
18	VIB	14.05	13.95	6393120
19	VNM	57.9	57.47	2810830
20	VPX	23.3	23.14	576340
21	VTZ	20.3	20.25	879590

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

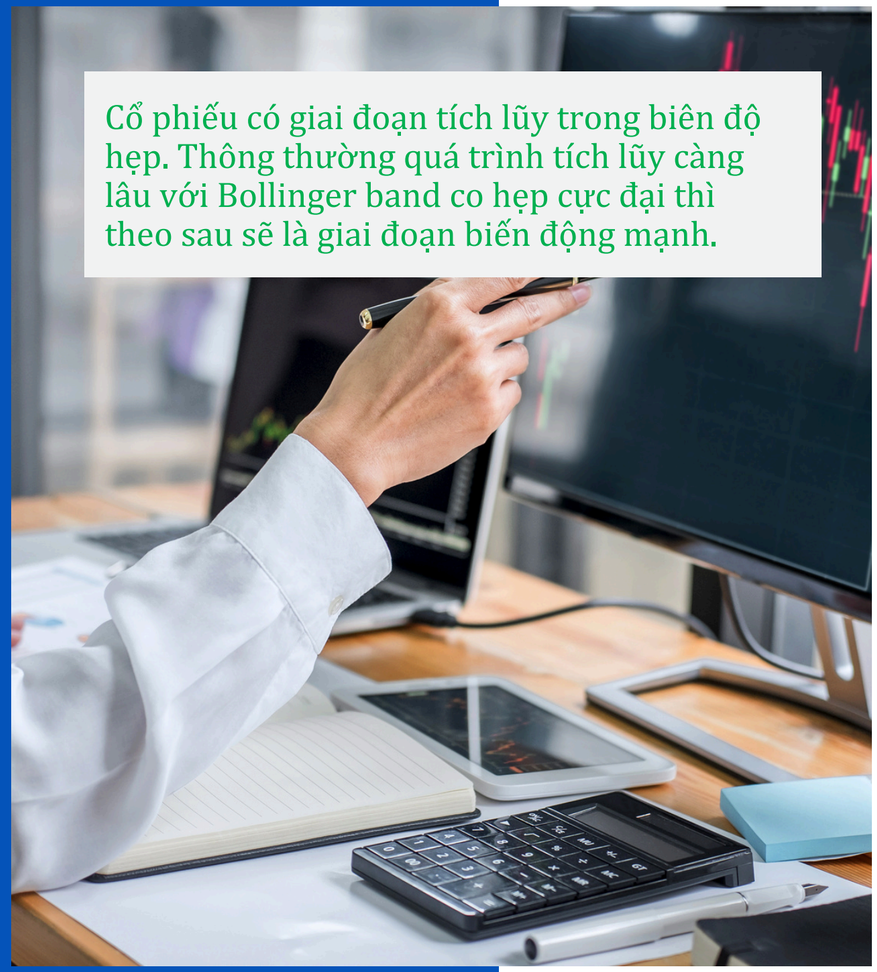


Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	TNG	17.5	17.51	1.042.240



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	NAF	10/11/2026	48.05	47.7	48.7	2.1	257,880
2	TCL	10/11/2026	28.8	28.5	29.7	4.21	17,520
3	SJD	10/11/2026	14.1	13.75	14.35	4.36	84,480
4	VTZ	10/11/2026	20.3	20	20.9	4.5	799,040
5	SCG	10/11/2026	64.1	63.4	66.3	4.57	24,720
6	CHP	10/11/2026	25.95	25.5	26.85	5.29	5,300
7	CLX	10/11/2026	13	12.7	13.4	5.51	31,060
8	ODE	10/11/2026	45.2	44.7	47.2	5.59	21,120
9	VSH	10/11/2026	41.1	40	42.41	06.02	25,860
10	KDC	10/11/2026	50.1	49.35	52.5	6.38	72,040
11	GDT	10/11/2026	16	15.4	16.45	6.82	6,920
12	MCM	10/11/2026	25.8	25	26.95	7.8	20,740
13	HTI	10/11/2026	18.35	17.8	19.2	7.87	16,000
14	LHG	10/11/2026	26.65	25.4	27.4	7.87	37,700
15	NCT	10/11/2026	80	79.9	86.3	08.01	23,940
16	NBB	10/11/2026	17.05	16.4	17.8	8.54	20,440
17	HMC	10/11/2026	10.65	10.2	11.1	8.82	12,280
18	DVP	10/11/2026	75	72.5	79.1	9.1	6,980
19	HTG	10/11/2026	35.5	32.55	35.55	9.22	18,140
20	REE	10/11/2026	47.7	44.4	48.5	9.23	549,040
21	BAF	10/11/2026	30.95	28.55	31.25	9.46	1,711,440
22	DVN	10/11/2026	16.6	16.5	18.07	9.52	25,400
23	DHD	10/11/2026	26.8	26	28.5	9.62	21,700

Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115